

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

### 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Shell Morlina S2 BL 10

Mã sản phẩm : 001F8471

#### Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Nhà cung cấp : Công ty Shell Việt Nam TNHH  
Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái  
Tỉnh Đồng Nai 810000  
Vietnam

Điện thoại : (+84) 2838240300

Telefax : (+84) 2838220261

Số điện thoại liên hệ trong  
trường hợp khẩn cấp : +84 18001140 (TRONG GIỜ LÀM VIỆC)  
+800-2537-8747 (24h)

Địa chỉ email liên lạc cho  
SDS : Nếu bạn có bất cứ thắc mắc nào về nội dung của SDS này  
xin vui lòng gửi thư điện tử về [lubricantSDS@shell.com](mailto:lubricantSDS@shell.com)

#### Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng :  
Dầu Ô trục & Dầu bôi trơn Tuần hoàn

Hạn chế khi sử dụng : Nếu không có chỉ dẫn khác của nhà cung cấp thì sản phẩm  
này chỉ áp dụng cho các mục ở Phần 1.

### 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### Phân loại theo GHS

Nguy hại hô hấp : Cấp 1

#### Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm :

TÁC HẠI VẬT LÝ:

Không bị phân loại là độc hại theo tiêu chuẩn GHS.

TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:

H304 Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu  
chuẩn phân loại của GHS.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

Các lưu ý phòng ngừa

:

**Biện pháp phòng ngừa:**

Không có khuyến cáo.

**Biện pháp ứng phó:**

P301 + P310 NẾU NUỐT PHẢI: Ngay lập tức gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ.

P331 KHÔNG ĐƯỢC gâ y nôn.

**Lưu trữ:**

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

**Việc thải bỏ:**

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thành phần nguy hại cần phải liệt kê trên nhãn:

Chứa các chất chưng cất (Fischer - Tropsch), nặng, C18-50 - phân nhánh, vòng và thẳng

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bí lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sưng tấy. Dầu mỡ đã qua sử dụng có chứa các thành phần gây hại. Không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy.

### 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Dầu tổng hợp và phụ gia

**Thành phần nguy hiểm**

Tên hóa học	Số CAS	Phân loại	Nồng độ (% w/w)
Distillates (Fischer - Tropsch), heavy, C18-50 – branched, cyclic and linear	848301-69-9	Asp. Tox.1; H304	70 - < 90
distillates (petroleum), hydrotreated light	64742-47-8	Flam. Liq.4; H227 Asp. Tox.1; H304	0 - < 15
N-phenyl-1-naphtylamin	90-30-2	Acute Tox.4; H302 Skin Sens.1B; H317 STOT RE2; H373 Aquatic Acute1; H400 Aquatic Chronic1; H410	0.1 - < 0.24
Axit (4-nonylphenoxy) acetic	3115-49-9	Acute Tox.4; H302 Skin Corr.1B; H314 Skin Sens.1A; H317 Aquatic Acute1; H400	0 - <= 0.09

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

		Aquatic Chronic1; H410	
--	--	------------------------	--

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Không cần có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường. Trong trường hợp các triệu chứng không thuyên giảm, cần phải xin chỉ dẫn y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt với nhiều nước. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Gọi đến số điện thoại khẩn cấp của địa điểm / cơ sở của bạn. Nếu nuốt phải, đừng cố ói ra: chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm. Nếu xảy ra ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào. Nếu xuất hiện các dấu hiệu và triệu chứng sau đây : sốt hơn 38.3 ( 101oF ) , thở gấp, tức ngực, ho liên tục hay thở khô khè ; trong vòng 6 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn, , nên đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Nếu sản phẩm đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm như ho, ngạt thở, thở khô khè, khó thở, tức ngực, hụt hơi và/hay sốt. Sự bắt đầu của các triệu chứng có thể bị trì hoãn trong vài giờ sau khi có sự tiếp xúc. Các dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác bỏng rát và/hoặc bên ngoài khô/nứt nẻ. Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy.
- Bảo vệ người sơ cứu : Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Khả năng viêm phổi hóa chất. Hãy ñi khám Bauc số hay ñeán trung tâm xâu lụ chaát ñoác.

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột, nước phun hay sương mù. Bột hóa chất khô, cacbon dioxide, cát hay đất chỉ có thể được dùng trong trường hợp hỏa

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

---

	hoạn nhỏ.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Các sản phẩm cháy nguy hiểm bao gồm: Phức hợp các hạt rắn trong không khí, các phân tử chất lỏng và khí (dạng khói). Carbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn. Các hợp chất hữu cơ và vô cơ chưa xác định.
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Phải mang những thiết bị bảo vệ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khi lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469).

---

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Các cảnh báo về môi trường	: Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: rất trơn, khi đổ sản phẩm trên sàn. Để tránh tai nạn, cần dọn sạch ngay lập tức Ngăn không cho lan rộng ra bằng cách tạo một rào chắn bằng cát, đất hay các vật liệu có khả năng ngăn chặn khác. Trực tiếp thu hồi chất lỏng hay dùng vật liệu thấm. Thấm hết phần còn sót lại với một chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác và thải đúng cách.
Lời khuyên bổ sung khác	: Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này Để xử lý, thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này

---

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Cảnh báo Chung	: Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác
----------------	--

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tiếp xúc lâu dài hay liên tục với da. Tránh hít phải khí và/hay sương. Khi vận chuyển, bốc xếp sản phẩm trong thùng phi phải mang giày bảo hộ lao động và sử dụng các phương tiện bốc xếp, vận chuyển phù hợp. Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giẻ bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn.

Các vật liệu cần tránh : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.

### Lưu trữ

Các dữ liệu khác : Giữ bồn chứa dầu được đóng chặt thật kín và ở nơi thoáng mát. Sử dụng những bao bì có thể làm kín và có nhãn đúng qui cách.

Tồn chứa ở nhiệt độ bình thường

Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: Đối với bồn chứa dầu và nắp, khuyến cáo sử dụng thép thấp cacbon hoặc polyethylen có tỉ trọng cao. Vật liệu không phù hợp: PVC

Lời khuyên về Thùng chứa : Không nên đặt những bồn chứa làm bằng Polyethylen ở nơi nhiệt độ cao, do nguy cơ có thể bị biến dạng.

## 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	STEL (Hơi sương)	10 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m <sup>3</sup>	OSHA Z-1
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	5 mg/m <sup>3</sup>	ACGIH

### Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Giá trị giới hạn sinh học (BLV) chưa được xác định cho vật liệu này.

### Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods <http://www.cdc.gov/niosh/>

Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods <http://www.osha.gov/>

Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances <http://www.hse.gov.uk/>

Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany. <http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>

L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

### Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

: Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:  
Sự thông gió phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí.

Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.

Thông tin chung:

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông thường của sản phẩm này.

Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá nhân, thông khí cục bộ.

Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.

Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử lý hoặc tái chế tiếp theo.

Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành quản lý tốt.

Không nuốt. Nếu nuốt phải, hãy tìm trợ giúp y tế ngay lập tức.

### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

### Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.

**Bảo vệ hô hấp** : Không có yêu cầu về sự bảo vệ hô hấp trong những điều kiện sử dụng bình thường.  
Phải thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, để tránh hít phải vật liệu này.  
Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng.  
Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo hộ hô hấp.  
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ lọc kết hợp phù hợp.  
Chọn bộ lọc phù hợp với hợp chất khí hữu cơ, hơi nước và hạt [Nhiệt độ sôi Loại A/Loại P > 65°C (149°F)].

**Bảo vệ tay**  
**Ghi chú**

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ:F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Găng tay PVC, găng tay cao su neopren hay găng tay cao su nitril. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọn thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọn thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay.

**Bảo vệ mắt** : Sản phẩm trong quá trình sử dụng có thể văng bắn vào mắt nên việc sử dụng kính bảo vệ mắt được khuyến cáo.

**Bảo vệ da và cơ thể** : Bảo vệ da thường không yêu cầu vượt quá tiêu chuẩn của quần áo bảo hộ ban hành.  
Cần phải đeo găng tay chống nhiễm hóa chất.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

Các mối nguy do nhiệt : Không áp dụng được

### Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Lời khuyên chung : Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.  
Hạn chế thải dầu ra môi trường. Phải thực hiện đánh giá môi trường để đảm bảo phù hợp với qui định về môi trường tại địa phương.  
Thông tin về các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ có trong phần 6.

## 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng

Màu sắc : không màu

Mùi đặc trưng : Hydrocarbon nhẹ

Ngưỡng mùi : Không áp dụng.

Độ pH : Không áp dụng được

Điểm nóng chảy/ đông đặc : Không áp dụng.

Điểm đông đặc : -36 °C / -33 °F  
Phương pháp: ASTM D5950

Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu : Không áp dụng.

Điểm cháy :  $\geq 140$  °C /  $\geq 284$  °F  
Phương pháp: ASTM D92 (COC)

Tỷ lệ hóa hơi : Không áp dụng.

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không áp dụng được

Tính dễ cháy (chất lỏng) : Không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy.

Giới hạn trên của cháy nổ : Khoảng 10 %(V)

Giới hạn dưới của cháy nổ : Khoảng 1 %(V)

Áp suất hóa hơi :  $< 0.5$  Pa (20 °C / 68 °F)  
(Các) giá trị ước tính

Tỷ trọng hơi tương đối :  $> 5$

Tỷ trọng tương đối : 0.810 (15.0 °C / 59.0 °F)

Khối lượng riêng : 810 kg/m<sup>3</sup> (15 °C / 59 °F)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

Phương pháp: ISO 12185

### Độ hòa tan

Độ hòa tan trong nước : không đáng kể

Độ hòa tan trong các dung  
môi khác : Không áp dụng.

Hệ số phân tán: n-  
octanol/nước : log Pow: > 6  
(dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)

Nhiệt độ tự bốc cháy : > 320 °C / 608 °F

Nhiệt độ phân hủy : Không áp dụng.

### Độ nhớt

Độ nhớt, động lực : Không áp dụng.

Độ nhớt, động học : 9 - 10 mm<sup>2</sup>/s (40.0 °C / 104.0 °F)  
Phương pháp: ASTM D445

2.7 mm<sup>2</sup>/s (100 °C / 212 °F)  
Phương pháp: ASTM D445

### Đặc điểm hạt

Kích thước hạt : Không áp dụng.

Đặc tính cháy nổ : Mã phân loại: Không phân loại.

Đặc tính ôxy hóa : Không áp dụng.

Tính dẫn : Vật liệu này không tích điện.

## 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Sản phẩm không có bất kỳ mối nguy hiểm phản ứng nào khác  
ngoài những nguy hại được liệt kê trong đoạn sau đây.

Tính ổn định : Ổn định.

Phản ứng nguy hiểm : Phản ứng mạnh với các tác nhân oxy hóa mạnh.

Các điều kiện cần tránh : Nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Vật liệu không tương thích : Các nguyên tố ôxy hóa mạnh.

Phản ứng phân hủy và các : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Cơ sở để Đánh giá : Thông tin đã cho là dựa vào dữ liệu trên các thành phần và dữ liệu của ngành độc học về các sản phẩm tương tự. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.

Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da và mắt là những cách chủ yếu của phơi nhiễm cho dù phơi nhiễm có thể xảy ra thông qua việc tình cờ nuốt phải.

#### Độc cấp tính

##### Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 chuột: > 5,000 mg/kg  
Ghi chú: Có độc tính thấp  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Ghi chú: Hít vào phổi có thể gây viêm phổi do nhiễm chất hóa học và nguy hiểm đến tính mạng.

Độc tính cấp do hít phải : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính cấp qua da : LD50 Thỏ: > 5,000 mg/kg  
Ghi chú: Có độc tính thấp  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

##### Thành phần:

##### **distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 Chuột, Đực và cái: > 5,000 mg/kg  
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự  
Hướng dẫn Kiểm tra 401 của OECD  
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính cấp do hít phải : LC50 Chuột, Đực và cái: > 2 - 10 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: hơi  
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự  
Hướng dẫn Kiểm tra 403 của OECD  
Ghi chú: LC50 lớn hơn nồng độ gần bão hòa của hơi.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính cấp qua da

: LD50 Chuột, Đực và cái: > 2,000 mg/kg  
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 402 của OECD  
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Ăn mòn/kích ứng da

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho da., Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bít lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sưng tấy., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Loài: Thỏ

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 404 của OECD

Ghi chú: Kích ứng vừa đối với da (nhưng không đủ để phân loại)., Sự tiếp xúc kéo dài/lặp lại có thể làm mất mỡ trên da và có thể dẫn đến viêm da.

### Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho mắt., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Loài: Thỏ

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 405 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Kích thích hô hấp hoặc da

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Không phải là một chất gây nhạy cảm da.  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Loài: Chuột lang

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 406 của OECD

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### **N-phenyl-1-naphtylamin:**

Ghi chú: Có thể gây dị ứng da đối với những người nhạy cảm.

### **Axit (4-nonylphenoxy) acetic:**

Ghi chú: Có thể gây dị ứng da đối với những người nhạy cảm.

## **Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

### **Sản phẩm:**

: Ghi chú: Không gây đột biến., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### **Thành phần:**

#### **distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Độc tính gây đột biến gen  
trong ống thí nghiệm

: Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự  
Hướng dẫn 471 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại  
không được đáp ứng

: Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự  
Hướng dẫn Kiểm tra 473 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại  
không được đáp ứng

: Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự  
Hướng dẫn Kiểm tra 476 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại  
không được đáp ứng

: Loài thử nghiệm: Chuột nhắt  
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra  
tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 474 của  
OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại  
không được đáp ứng

Đột biến tế bào mầm (tế bào  
gen)- Đánh giá

: Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các  
nhóm 1A/1B.

## **Tác nhân gây ung thư**

### **Sản phẩm:**

Ghi chú: Không phải là chất gây ung thư., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại  
không được đáp ứng

### **Thành phần:**

#### **distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Loài: Chuột, (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Hít phải

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 453 của

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

### OECD

Ghi chú: Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư, Các u tạo ra trên động vật không được coi là tương ứng đối với con người., Không phải là chất gây ung thư.

Loài: Chuột nhắt, (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Hít phải

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 453 của OECD

Ghi chú: Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư, Các u tạo ra trên động vật không được coi là tương ứng đối với con người., Không phải là chất gây ung thư.

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

Vật liệu	GHS/CLP Tác nhân gây ung thư Phân loại
Dầu khoáng đã tinh lọc cao	Không phân loại có tính gây ung thư

### Độc tính sinh sản

#### Sản phẩm:

: Ghi chú: Không phải là một chất độc phát triển., Không làm giảm độ phì nhiêu., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

#### Thành phần:

##### distillates (petroleum), hydrotreated light:

: Loài: Chuột  
Giới tính: Đực và cái  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 414 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột, con cái  
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng  
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 414 của OECD  
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng  
Loài: Chuột, con cái  
Lộ trình ứng dụng: Hít phải  
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

Hướng dẫn Kiểm tra 414 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

### STOT - Tiếp xúc một lần

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### STOT - Tiếp xúc lặp lại

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng, Thận: gây ảnh hưởng trên thận của chuột đực nhưng được coi là không tác dụng rõ đối với con người.

### Lượng độc lặp lại

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Chuột, Đực và cái:

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 408 của OECD

Các cơ quan đích: không có cơ quan đích cụ thể nào được lưu ý.

Ghi chú: Thận: gây ảnh hưởng trên thận của chuột đực nhưng được coi là không tác dụng rõ đối với con người.

Chuột, Đực và cái:

Lộ trình ứng dụng: Hít phải

Không khí kiểm nghiệm: hơi

Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 413 của OECD

Các cơ quan đích: không có cơ quan đích cụ thể nào được lưu ý.

Ghi chú: Thận: gây ảnh hưởng trên thận của chuột đực nhưng được coi là không tác dụng rõ đối với con người.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

### Độc tính hô hấp

#### Sản phẩm:

Hít vào phổi khi nuốt vào hay ói ra có thể gây viêm phổi do chất hóa học và nguy hiểm đến tính mạng.

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Hít vào phổi khi nuốt vào hay ói ra có thể gây viêm phổi do chất hóa học và nguy hiểm đến tính mạng.

### Thông tin khác

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Dầu đã qua sử dụng có chứa những chất bẩn có hại tích lũy trong khi sử dụng. Nồng độ của những chất bẩn như thế tùy thuộc vào quá trình sử dụng và chúng có thể gây ra những nguy hiểm cho sức khỏe và môi trường khi bị thải ra., Tất cả dầu xả nên được xử lý đúng cách, tránh và hạn chế tối đa việc tiếp xúc với da.

Ghi chú: Kích ứng nhẹ hệ hô hấp.

#### Thành phần:

**distillates (petroleum), hydrotreated light:**

Ghi chú: Có thể có các phân loại của nhiều cơ quan khác theo các khung quy định pháp lý khác nhau.

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá : Dữ liệu về ảnh hưởng xấu đến sinh thái chưa được xác định cụ thể cho sản phẩm này.  
Thông tin thể hiện được lấy từ việc nhận biết các thành phần của nó và mức độ tác hại lên môi trường sinh thái của các sản phẩm tương tự.  
Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.

### Độc môi trường

#### Sản phẩm:

Độc đối với cá (Độc cấp tính) : Ghi chú: LL/EL/IL50 > 100 mg/l  
Không độc trên thực tế.  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính) : Ghi chú: LL/EL/IL50 > 100 mg/l

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

---

		Không độc trên thực tế. Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính)	:	Ghi chú: LL/EL/IL50 > 100 mg/l Không độc trên thực tế. Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	:	Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính)	:	Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính)	:	Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### **Thành phần:**

#### **distillates (petroleum), hydrotreated light :**

Độc đối với cá (Độc cấp tính)	:	LL50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 1,000 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203 Ghi chú: Không độc trên thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính)	:	EL50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 1,000 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202 Ghi chú: Không độc trên thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính)	:	EL50 (Tảo đơn bào Pseudokirchneriella subcapitata (tảo đơn bào Selenastrum capricornutum)): > 1,000 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201 Ghi chú: Không độc trên thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính)	:	Ghi chú: Không áp dụng.
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	:	Ghi chú: Không áp dụng.
Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính)	:	Ghi chú: Không áp dụng.
<b>N-phenyl-1-naphtylamin :</b>		
Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh)	:	1
Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh)	:	1

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

### **Axit (4-nonylphenoxy) acetic :**

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1  
đối với môi trường thủy sinh)

### **Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**

#### **Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Không dễ phân hủy sinh học., Các thành phần chính vốn có thể phân hủy sinh học, nhưng một số thành phần vẫn có thể tồn dư trong môi trường.

#### **Thành phần:**

##### **distillates (petroleum), hydrotreated light :**

Tính phân hủy sinh học : Phân hủy sinh học: 69 %  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F  
Ghi chú: Dễ phân hủy nhanh.  
Ôxi hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.

### **Khả năng tích lũy sinh học**

#### **Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Chứa các thành phần có khả năng tích lũy sinh hóa.

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: > 6Ghi chú: (dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)

#### **Thành phần:**

##### **distillates (petroleum), hydrotreated light :**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Có xu thế tích tụ sinh học.

### **Độ linh động trong đất**

#### **Sản phẩm:**

Tính lưu động : Ghi chú: Dạng chất lỏng trong điều kiện môi trường thông thường., Trong trường hợp ngấm vào đất, nó sẽ hấp thụ các phần tử trong đất và nằm nguyên ở đó.  
Ghi chú: Nổi trên mặt nước.

#### **Thành phần:**

##### **distillates (petroleum), hydrotreated light :**

Tính lưu động : Ghi chú: Nổi trên mặt nước., Trong trường hợp ngấm vào đất, nó sẽ hấp thụ các phần tử trong đất và nằm nguyên ở đó.

### **Các tác hại khác**

#### **Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : Không có nguy cơ bào mòn tầng ôzôn, nguy cơ tạo ôzôn quang hóa hoặc nguy cơ làm ấm lên toàn cầu., Sản phẩm là một hỗn hợp gồm các thành phần không bay hơi, không được giải phóng ra không khí theo số lượng đáng kể trong điều kiện sử dụng bình thường.  
Hỗn hợp khó hòa tan., Gây bẩn vật lý cho sinh vật thủy sinh.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

**Thành phần:**  
**distillates (petroleum), hydrotreated light :**

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn kiểm tra về tính bền vững trong môi trường, tích lũy sinh học và tính độc hại, vì vậy không được xem là PBT hoặc vPvB.

### 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

#### Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Khôi phục hoặc tái chế nếu có thể.  
Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các quy định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.

Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường.

Chất thải, chất tràn hay sản phẩm đã dùng là chất thải nguy hiểm

Chất thải phát sinh khi bị đổ hóa chất hay làm vệ sinh thùng chứa nên được thải bỏ theo các quy định hiện hành, ưu tiên đối với nhà thu gom và nhà thầu. Việc lựa chọn phương tiện thu gom hay nhà thầu nên được xác định trước đó.

Không nên xả thải vào mặt đất, vì như thế sẽ làm cho đất và nước ngầm bị ô nhiễm.

MARPOL - Tham khảo Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa Ô nhiễm từ Tàu thuyền (MARPOL 73/78) cung cấp các khía cạnh kỹ thuật về kiểm soát ô nhiễm từ tàu thuyền.

Bao bì nhiễm độc : Công tác loại bỏ phải phù hợp với các quy định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước. Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

Luật địa phương Ghi chú : Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

**ADR**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

### IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

### IMDG-Code

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

### Vận tải hàng hải với số lượng lớn theo các công cụ của IMO

Các quy tắc MARPOL, phụ lục 1 áp dụng cho việc vận chuyển hàng xá bằng đường biển.

### Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú

: Tham khảo Chương 7, Xử lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phòng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

## 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

### Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho sản phẩm này.

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải:

Nghị định 42/2020/NĐ-CP: Nghị định quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa

Luật Hoá chất Việt Nam:

Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 9, Điều 7 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương ( "Thông tư 32").

111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

### Các quy định quốc tế khác

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

TSCA : Tất cả các thành phần được liệt kê.

## 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H227	Chất lỏng dễ cháy.
H302	Có hại nếu nuốt phải.
H304	Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

H314	Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
H317	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H373	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu nuốt phải.
H400	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H410	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Acute Tox.	Độc cấp tính
Aquatic Acute	Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh
Aquatic Chronic	Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh
Asp. Tox.	Nguy hại hô hấp
Flam. Liq.	Chất lỏng dễ cháy
Skin Corr.	Ăn mòn da
Skin Sens.	Nhạy cảm với da
STOT RE	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

### Chữ viết tắt và từ viết tắt

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

### Thông tin khác

Tư vấn về đào tạo : Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Morlina S2 BL 10

Phiên bản 2.5

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 01.07.2024

Ngày in 02.07.2024

---

Các thông tin khác : Một vạch thẳng đứng ( I ) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh ( sửa đổi) so với phiên bản trước đây.

Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn : Các dữ liệu trình bày là từ, nhưng không giới hạn, một hoặc nhiều nguồn thông tin (ví dụ như dữ liệu về độc chất từ Dịch Vụ Sức Khỏe Shell, dữ liệu của nhà cung cấp vật liệu, cơ sở dữ liệu CONCAWE, EU IUCLID, quy định EC 1272, v.v.).

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI